

Lo âu học tập và mối liên hệ với rối loạn lo âu ở học sinh trung học phổ thông tại Hà Nội

Hoàng Thị Thanh Huệ¹, Ngô Thanh Huệ²

¹ Email: huethanh3028@gmail.com

² Email: ngothanhhue@gmail.com

Viện Tâm lý Việt - Pháp
Số 46 - 54 Trần Quốc Vương, Dịch Vọng Hậu,
Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

TÓM TẮT: Nhằm tìm hiểu thực trạng vấn đề lo âu học tập và mối liên hệ của nó với rối loạn lo âu, bài báo phân tích kết quả khảo sát trên 262 khách thể là các học sinh trung học phổ thông tại Hà Nội được tiến hành vào tháng 7 năm 2020. Công cụ khảo sát bao gồm thang sàng lọc lo âu (GAD-7), thang đánh giá lo âu học tập, được xây dựng từ việc kết hợp thang AAI của Rachel G. Pizzie & David J. M. Kraemer (2019) và thang FLCAS của Horwitz và cộng sự (1986). Kết quả cho thấy có sự khác biệt về mức độ lo âu học tập giữa các học sinh xét trên tiêu chí học lực và thứ tự sinh, lo âu học tập và các khía cạnh của lo âu học tập đều có mối tương quan thuận chiều ở mức tương đối mạnh với rối loạn lo âu.

TỪ KHÓA: Lo âu, lo âu học tập, rối loạn lo âu, học đường.

→ Nhận bài 19/6/2021 → Nhận bài đã chỉnh sửa 01/07/2021 → Duyệt đăng 15/12/2021.

1. Đặt vấn đề

Lo âu học tập là một trong những vấn đề phổ biến ở lứa tuổi học sinh (HS) trung học phổ thông (THPT). Nhiều nghiên cứu cho thấy, lo âu học tập đóng vai trò quan trọng trong việc tạo động lực, rèn luyện sức chịu đựng áp lực, từ đó tạo ra những thành tựu trong học tập và thi cử (Shakir, 2014). Tuy nhiên, nếu cá nhân có lo âu học tập ở mức độ cao thì có thể gây ra những hậu quả tiêu cực. Pizzie và Kraemer (2019) cũng nhận định rằng: “Trong khi nhiều HS được nuôi dưỡng năng lực trong môi trường học tập nhiều căng thẳng, thì nhiều HS khác lại phải vật lộn và đương đầu với lo âu học tập mỗi ngày”.

Các nghiên cứu đã chỉ ra rằng, lo âu có thể tác động xấu tới năng lực tiếp nhận, xử lý, và lưu trữ thông tin khiến các cá nhân giảm khả năng học hỏi và đạt thành tựu (Hashempour, 2014). Như một hệ quả tất yếu kéo theo, những HS có mức độ lo âu cao thường có kết quả học tập thấp. Các tác giả coi lo âu học tập như là một nhân tố có tính chất dự báo về thành tích học thuật của các HS, mối tương quan nghịch chiều giữa mức độ lo âu với thành tích học tập mà HS đã được chứng minh trong nhiều nghiên cứu trước đây (dẫn theo Bhansali, & Trivedi, 2008; Vitasari và cộng sự, 2010). Lo âu học tập không chỉ ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả học tập mà còn ảnh hưởng lâu dài đến các hành vi và thói quen trong học tập. Theo Paechter, M., et al. (2017), các HS có mức độ lo âu học tập cao thường có những hành vi kém thích nghi trong học tập như: Tổ chức không gian học tập kém hiệu quả, ít nỗ lực chú ý và tập trung cho các tiết học, né tránh và trì hoãn thực hiện các nhiệm vụ học tập. Việc trì hoãn hoặc né tránh thực hiện các nhiệm vụ học tập theo nhóm còn dẫn đến hệ quả về mối quan

hệ ở các em như làm các em mất đi cơ hội xây dựng mối quan hệ bạn bè và cơ hội trải nghiệm các tình huống xã hội (dẫn theo Shakir, M., 2014).

Như vậy, có thể thấy rằng, lo âu học tập mặc dù không phải một rối loạn lo âu mang tính bệnh lý, song vì những hệ quả của nó mà đây vẫn được đánh giá là một vấn đề đáng quan tâm.

Tại Việt Nam, nghiên cứu về lo âu học tập và xem xét mối liên hệ của nó với rối loạn lo âu còn hạn chế. Phần lớn các nghiên cứu và bài báo khoa học tập trung vào vấn đề sức khỏe tâm thần lứa tuổi trẻ em và vị thành niên hoặc tập trung khai thác đề tài về lo âu học đường nói chung như nghiên cứu của Hồ Hữu Tính, Nguyễn Doãn Thành (2010), Trần Thành Nam (2015), Nguyễn Thị Vân (2018), Trần Văn Công, Nguyễn Thị Hoài Phương, Trần Thành Nam (2019). Với mong muốn tìm hiểu về lo âu học tập, khám phá mối liên hệ giữa lo âu học tập với lo âu mang tính chất bệnh lý, bài báo tập trung trả lời hai câu hỏi chính: Thứ nhất, thực trạng lo âu học tập của HS THPT trên địa bàn thành phố Hà Nội đang diễn ra như thế nào? Thứ hai, lo âu học tập và lo âu bệnh lý (rối loạn lo âu) có mối quan hệ ra sao?

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Một số khái niệm liên quan

Lo âu học tập là cảm giác lo sợ đi kèm theo sự gia tăng các suy nghĩ tiêu cực, các phản ứng về mặt cơ thể khi cá nhân phải đối mặt với các nhiệm vụ liên quan đến học tập, như: tham gia giờ một môn học (môn Toán, môn Tiếng Anh, ...), đối mặt với bài tập về nhà hoặc đối các bối cảnh thi cử/kiểm tra (Luttenberger, S., Wimmer, S., & Paechter, M., 2018).

Rối loạn lo âu là một nhóm rối loạn được đặc trưng bởi

sự quá mức và kéo dài dai dẳng những suy nghĩ lo lắng, các triệu chứng căng thẳng về mặt cơ thể, và kéo theo là hành vi né tránh các tình huống hoặc kích thích gây sợ, làm suy giảm đáng kể đến hoạt động chức năng sống của cá nhân. Rối loạn này xảy ra ở nữ nhiều hơn nam với tỉ lệ 2:1 (American Psychiatric Association, 2013).

2.2. Tổ chức và phương pháp nghiên cứu

Mẫu nghiên cứu: Mẫu nghiên cứu được chọn gồm 262 HS đang học tại các trường THPT trên địa bàn thành phố Hà Nội. Trong đó, có 49 HS nam (chiếm 18,7%), 211 HS nữ (chiếm 80,5%) và 2 HS thuộc nhóm giới tính khác (0,8%); 43 em là HS lớp 10 (16,4%), 104 em là HS lớp 11 (39,7%) và 115 em là HS lớp 12 (43,9%); Điểm trung bình tổng kết học tập năm học gần đây nhất của nhóm mẫu là 8,69.

Bộ công cụ: Bộ công cụ nghiên cứu được sử dụng để khảo sát bao gồm:

1/ 10 câu hỏi nhằm xác định các thông tin cá nhân của người trả lời. Ở câu này, chúng tôi quan tâm nghiên cứu các thông tin về giới tính (nam/nữ), kết quả học tập (điểm trung bình năm học gần đây nhất - GPA), thứ tự con trong gia đình (birth-order), trình độ học vấn của cha mẹ, thu nhập trung bình hàng tháng của cha mẹ và định hướng sau khi học xong THPT.

2/ Bảng hỏi về lo âu học tập của HS được thiết kế dựa trên việc kết hợp hai thang đo là Academic Anxiety Inventory (AAI) của Rachel G. Pizzie & David J. M. Kraemer (2019) và Foreign Language Classroom Anxiety Scale -FLCAS của Horwitz và cộng sự (1986). Thang đo được thiết kế theo thang Likert với 5 mức độ điểm. Có tổng cộng 51 mệnh đề (item), được chia thành 5 tiểu thang đo: 1/ Đặc điểm lo âu gồm 10 items (Ví dụ: Tôi thường cảm thấy muốn khóc); 2/ Lo âu môn Toán gồm 10 items (Ví dụ: Với tôi, giải Toán không phải việc hấp dẫn); 3/ Lo âu môn Tiếng Anh gồm 11 items (Ví dụ: Trong giờ Tiếng Anh, tôi có thể căng thẳng đến nỗi quên mất những kiến thức đã biết từ trước); 4/ Lo âu về kỹ năng viết gồm 10 items (Ví dụ: Tôi không muốn bài viết văn của mình bị đánh giá); 5/ Lo âu về kiểm tra/ thi cử gồm 10 items (Ví dụ: Tôi cảm thấy lo lắng khi ôn bài cho kì thi); Thang đo và các tiểu thang đo có độ tin cậy đảm bảo (hệ số cronbach alpha ≥ 0.60). Dữ liệu thu được tuân theo phân bố chuẩn với các hệ số bất đối xứng và hệ số nhọn đều nằm trong khoảng cho phép ($-1 < skewness < 1$; $-2 < kurtosis < 2$). Điểm của thang đo và các tiểu thang đo được tính dựa trên điểm trung bình của các item tạo thành thang đo và tiểu thang đo. Từ điểm trung bình (ĐTB - Mean) nhóm nghiên cứu chia lo âu học tập của HS thành các mức độ: trung bình (ĐTB $\pm 1\Delta LC$); thấp (ĐTB - $1\Delta LC$ trở xuống); cao (ĐTB + $1\Delta LC$ trở lên). ĐTB càng cao thì biểu hiện được nghiên cứu càng rõ ở HS.

3/ Thang đo sàng lọc rối loạn lo âu GAD-7 (Spitzer và cộng sự, 2006) thiết kế theo thang đo Likert với 4 mức độ điểm. Thang đo gồm 7 mệnh đề, mô tả các triệu chứng lo âu mà cá nhân gặp phải trong 2 tuần gần đây (Ví dụ: Tôi không thể ngừng hay kiểm soát được cơn lo lắng). Căn cứ theo số điểm thu được từ thang đo sẽ phân loại vấn đề theo mức điểm phân loại (cut-off) được đề xuất bởi tổ chức Y tế thế giới (WHO): ít lo âu (0-4 điểm), lo âu nhẹ (5-9 điểm), lo âu mức trung bình (10-14 điểm), lo âu nặng (15-21 điểm).

Tổ chức nghiên cứu: Nhóm nghiên cứu tiến hành khảo sát bằng cách phát bảng hỏi online. Link khảo sát mở ra bắt đầu từ ngày 25 tháng 7 năm 2020, đóng lại vào ngày 07 tháng 9 năm 2020 và được chia sẻ thông qua hai nhóm dự án cộng đồng về tâm lý học đường đang được thực hiện bởi các bạn HS THPT Hà Nội là The Aparecium (<https://www.facebook.com/apareciumproject/>) và Loang lồ (<https://www.facebook.com/loanglo.project/>). Những HS thuộc mạng lưới dự án này được chúng tôi đánh giá là nhóm có kiến thức về sức khỏe tâm thần, có khả năng nhận biết các vấn đề tâm lý đang tồn tại ở lứa tuổi các em. Vì vậy, chúng tôi quyết định tiến hành khảo sát trên nhóm HS này. Tổng số phiếu thu về là 278 phiếu. Sau quá trình lọc những phiếu trả lời không hợp lệ, số phiếu còn lại là 262 phiếu.

Kỹ thuật xử lý: Tất cả dữ liệu thu về đều được xử lý bằng phần mềm thống kê dành cho khoa học xã hội (SPSS, phiên bản 26.0). Các phép thống kê được sử dụng gồm tính phần trăm, điểm trung bình, so sánh điểm trung bình giữa các nhóm (t-test, ANOVA), tương quan và hồi quy.

2.3. Kết quả và bàn luận

2.3.1. Đánh giá chung về lo âu học tập của học sinh trung học phổ thông tại Hà Nội

Từ Bảng 1 có thể nhận xét rằng, phần lớn HS có lo âu học tập ở mức trung bình chiếm 66,0% (tương đương 173 HS), 54 em có lo âu học tập ở mức thấp (20,6%) và 35 em có lo âu học tập ở mức cao (13,4%).

2.3.2. So sánh mức độ lo âu học tập ở các nhóm học sinh

Một câu hỏi đặt ra là liệu rằng có sự khác biệt về mức độ lo âu học tập giữa các nhóm HS có các thông nhân khẩu khác nhau không? Để trả lời cho câu hỏi trên, nhóm nghiên cứu chúng tôi đã tiến hành kiểm định trung bình tổng thể bằng ANOVA của các biến số độc lập (Ví dụ, kết quả học tập, trình độ học vấn của bố mẹ) kết quả thu được như Bảng 2:

Xét về học lực: Có sự khác biệt về mức độ lo âu học tập giữa các HS có học lực khác nhau. Các HS có GPA > 9,0 thì có mức độ lo âu học tập (ĐTB = 2,81) thấp hơn so với các bạn có GPA 7,0 - < 8,0 (ĐTB = 3,04) và thấp hơn so với các bạn có GPA 8,0 - < 9,0 (ĐTB = 3,02). Sự

Bảng 1: Khái quát chung về lo âu học tập ở HS THPT

Thành tố	Mức độ lo âu học tập						ĐTB	SD
	Thấp		Trung bình		Cao			
	SL	%	SL	%	SL	%		
Đặc điểm lo âu	44	16,8	176	67,2	42	16,0	3,15	0,70
Lo âu môn Tiếng Anh	50	19,1	169	64,5	43	16,4	2,67	0,85
Lo âu kiểm tra/thi cử	43	16,4	182	69,5	37	14,1	3,28	0,72
Lo âu kĩ năng viết	44	16,8	175	66,8	43	16,4	2,77	0,62
Lo âu về môn Toán	50	19,1	167	63,7	45	17,2	2,79	0,87
Lo âu học tập	54	20,6	173	66,0	35	13,4	2,93	0,47

Bảng 2: So sánh lo âu học tập giữa các nhóm HS THPT

Tiêu chí		Các khía cạnh của lo âu học tập					Lo âu học tập
		Đặc điểm lo âu	Tiếng anh	Kiểm tra/thi cử	Viết	Toán	
Kết quả học tập	GPA 7,0 - < 8,0	3,08	2,93*	3,36	2,85	3,01*	3,04**
	GPA 8,0 - 9,0	3,27*	2,76*	3,34	2,77	2,97*	3,02
	GPA > 9,0	3,05*	2,51*	3,19	2,75	2,57*	2,81**
Thứ tự sinh	Con một	3,21	2,67	3,36*	3,02*	2,87	3,02*
	Con cả	3,12	2,68	3,35*	2,68*	2,86	2,94
	Con thứ	3,06	2,56	3,02*	2,81	2,66	2,82*
	Con út	3,16	2,73	3,28*	2,76*	2,75	2,93
Trình độ học vấn của mẹ	Chưa tốt nghiệp THPT	3,24	2,77	3,12	2,93	2,36*	2,88
	Tốt nghiệp THPT	3,21	2,71	3,36	2,70	2,88*	2,97
	Đại học/sau đại học	3,09	2,61	3,23	2,81	2,80*	2,90
Trình độ học vấn của bố	Chưa tốt nghiệp THPT	3,14	2,67	3,30	2,74	2,94*	2,95
	Tốt nghiệp THPT	3,17	2,67	3,24	2,68*	2,62*	2,87
	Đại học/sau đại học	3,16	2,66	3,28	2,92*	2,71	2,94

(Ghi chú: * $p < 0,05$; ** $p < 0,01$)

khác biệt này có ý nghĩa về mặt thống kê với độ tin cậy $p < 0,01$. Có thể thấy, những HS có mức độ về lo âu học tập thấp thì có kết quả học tập cao hơn và ngược lại. Kết quả này tương tự với kết quả một số nghiên cứu trước đây như nghiên cứu của Mohd Shakir (2014), Chaman Lal Banga (2014). Nguyên nhân dẫn đến khác biệt này có thể do đa phần các HS có thành tích học tập tốt là những em có khả năng tiếp thu kiến thức tốt, có chiến lược học tập hiệu quả dẫn đến việc các em có nhiều sự tự tin hơn, ít lo âu hơn trong học tập.

Xét về thứ tự trong gia đình: Có sự khác biệt về mức độ lo âu kiểm tra giữa các HS có thứ tự sinh khác nhau trong gia đình. Các HS là con một có mức độ lo âu kiểm tra (ĐTB = 3,36) cao hơn so với những HS có thứ tự sinh khác trong gia đình. Sự khác biệt này có ý nghĩa về mặt thống kê với độ tin cậy $p = 0,03$. Theo lý thuyết về

thứ tự sinh của Alfred Adler, những đứa trẻ là con một không bao giờ phải trải nghiệm sự truất ngôi trong gia đình; từ bé, chúng luôn nhận được sự quan tâm và chú ý hàng đầu của bố mẹ. Vì thế, những đứa trẻ con một thường gặp các khó khăn nhất định ở những môi trường ngoài gia đình như trường học - nơi mà chúng không còn là trung tâm của sự chú ý, khiến mức độ lo lắng của các em cao hơn so với những bạn khác (Schultz, D. P., & Schultz, A. E., 2016). Eckstein, D cũng đưa ra nhận định rằng, những đứa trẻ con một có đặc trưng là nhu cầu lớn trong việc đạt được thành tựu. Đây cũng có thể là lí do khiến con một thường nhiều áp lực và có mức độ lo lắng cao hơn những đứa trẻ khác (Eckstein, D. và cộng sự, 2010).

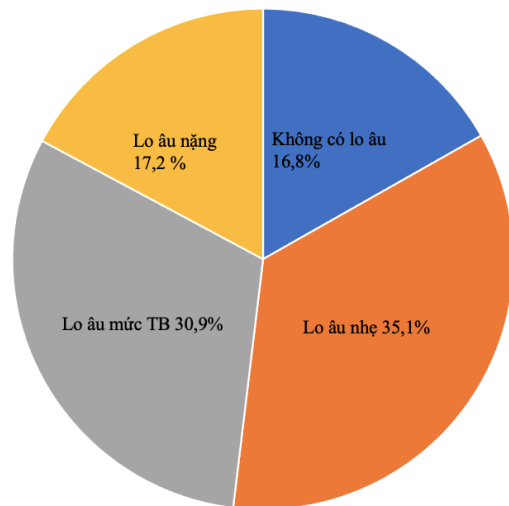
Xét về trình độ học vấn của bố mẹ: Ở các nhóm HS có trình độ học vấn của bố và mẹ khác nhau, không

nhận thấy có sự khác biệt mang ý nghĩa thống kê về điểm lo âu học tập ở các em như trong một số nghiên cứu của Fayegh, Y., Rumaya, J., & Talib, M. A., (2010), Mahigir, F., & Karimi, A., (2012). Chen, H., (2012) chỉ ra rằng, các HS có cha mẹ thuộc nhóm thu nhập và trình độ học vấn thấp thì có mức lo âu học tập cao hơn do những cha mẹ có điều kiện kinh tế không tốt thường tạo nhiều sức ép học hành cho con cái hơn với hi vọng con cái sẽ thành đạt và bắt kịp với những gia đình giàu có, điều này đã gây ra áp lực, dẫn đến lo âu về học tập gia tăng ở các em.

2.3.3. Đánh giá chung về rối loạn lo âu của học sinh trung học phổ thông tại Hà Nội

Số liệu trong Biểu đồ 1 cho thấy, theo kết quả sàng lọc GAD-7, có 17,2% HS thuộc mức độ lo âu nặng. Kết quả này cho thấy, RLLA (rối loạn lo âu) là một vấn đề khá phổ biến ở HS THPT. Bên cạnh đó, tỉ lệ HS có nguy cơ RLLA (nhóm lo âu ở mức trung bình) cũng chiếm tới 30,9%.

Tỉ lệ HS có RLLA tìm được ở nghiên cứu này cao hơn so với các nghiên cứu tại Việt Nam trước đây. Nhóm nghiên cứu chúng tôi đưa ra một số lí do có thể lí giải sự khác biệt này như sau. Thứ nhất, đối tượng khách thể nghiên cứu mà chúng tôi tiếp cận được đa phần là HS thuộc các trường THPT chuyên hoặc các trường THPT lớn tại nội thành Hà Nội như: Trường THPT Chuyên Amsterdam, Trường THPT Chuyên Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội, Trường THPT Chu Văn An. Đây đều là những ngôi trường có truyền thống lâu đời về thành tích học tập, điều này có thể là một nguyên nhân gây ra áp lực, khiến điểm lo âu cho các em cao. Thứ hai, thời điểm khảo sát là trùng với thời điểm diễn ra hai kì thi quan trọng của các HS là kì thi đầu vào THPT và kì thi tốt nghiệp THPT Quốc gia. Thêm vào đó, năm học 2019 - 2020, dưới tác động tiêu cực của dịch bệnh toàn cầu COVID-19, nhiều thay đổi về hình thức học và thi diễn ra gây nhiều khó khăn và lúng túng cho HS. Vì vậy, thời



Biểu đồ 1: Phân loại mức độ lo âu theo thang sàng lọc RLLA GAD-7

điểm khảo sát diễn ra có thể rơi vào đúng giai đoạn mà lo âu của các em tăng cao. Thứ ba, cũng cần nhấn mạnh rằng, thang đo GAD-7 chỉ mang lại kết quả sàng lọc chứ không phải kết quả chẩn đoán, tỉ lệ HS có rối loạn lo âu trên thực tế có thể thấp hơn. Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu cũng cho thấy thực trạng rằng, đang có rất nhiều HS THPT đang gặp phải vấn đề về lo âu và các em cần được quan tâm, hỗ trợ để đương đầu với lo âu.

2.3.4. Mối liên hệ giữa lo âu học tập và rối loạn lo âu của học sinh trung học phổ thông tại Hà Nội

Từ Bảng 3 có thể thấy, lo âu học tập và rối loạn lo âu có mối tương quan thuận chiều ở mức tương đối mạnh với $r = 0,422$, $p < 0,01$. Như vậy, có thể kết luận rằng, khi lo âu học tập tăng (hoặc giảm) thì mức độ rối loạn lo âu ở HS cũng tăng (hoặc giảm). Mối liên hệ này cũng đã được khám phá trong một số nghiên cứu trước đây và cho kết quả tương đồng, như nghiên cứu của Yadav et al. (2017), nghiên cứu của Deb, S. et al. (2015).

Bảng 3: Mối tương quan giữa lo âu học tập và rối loạn lo âu

	2	3	4	5	6	7
1. Rối loạn lo âu	0,422**	0,519**	0,195**	0,271**	0,177**	0,172**
2. Lo âu học tập	1	0,755**	0,613**	0,726**	0,455**	0,534**
3. Đặc điểm lo âu		1	0,320**	0,461**	0,364**	0,269**
4. Lo âu về môn Tiếng Anh			1	0,281**	0,148*	-0,069
5. Lo âu về kiểm tra/thi cử				1	0,177**	0,349**
6. Lo âu về kĩ năng viết					1	-0,002
7. Lo âu về môn Toán						1

(Ghi chú: * $p < 0,05$; ** $p < 0,01$)

3. Kết luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy, phần lớn HS trong mẫu nghiên cứu có lo âu học tập ở mức trung bình. Các HS có lo âu học tập ở mức độ thấp thì có kết quả học tập cao hơn và ngược lại. Các HS là con một trong gia đình thì có mức độ lo âu học tập cao hơn những HS là con thứ, con út và con cả. Kết quả khảo sát cũng cho thấy rối loạn lo âu là một vấn đề phổ biến ở HS THPT. Số

liệu phân tích tương quan đã khẳng định lo âu học tập và các khía cạnh của lo âu học tập đều có mối tương quan thuận chiều ở mức chặt chẽ với rối loạn lo âu. Kết quả nghiên cứu là gợi ý đề xuất nên có những chính sách truyền thông để nâng cao nhận thức về vấn đề lo âu học tập và rối loạn lo âu ở lứa tuổi THPT cho các đối tượng như thầy cô, các nhà quản lý giáo dục và phụ huynh HS.

Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Thị Hằng Phương, (2009), *Thực trạng và nguyên nhân gây ra rối loạn lo âu ở học sinh Trường Trung học phổ thông Chuyên Quảng Bình*, Tạp chí Tâm lý học, số 6(123).
- [2] American Psychiatric Association, (2013), *Diagnostic and statistical manual of mental disorders* (5th ed.). <https://doi.org/10.1176/appi.books.9780890425596>.
- [3] Chen, H, (2012), *Impact of parent's socioeconomic status on perceived parental pressure and test anxiety among Chinese high school students*, International Journal of Psychological Studies, 4(2), 235.
- [4] Eckstein, D., Aycok, K. J., Sperber, M. A., McDonald, J., Van Wiesner III, V., Watts, R. E., & Ginsburg, P, (2010), *A Review of 200 Birth-Order Studies: Lifestyle Characteristics*, Journal of Individual Psychology, 66(4).
- [5] Hess Jessica, (2014), *Anxiety Prevalence among High School Students. Counselor Education Master's Theses*, The College at Brockport: State University of New York.
- [6] Lutzenberger, S., Wimmer, S., & Peacher, M, (2018), *Spotlight on math anxiety*, Psychology research and behaviour management, 11, 311.
- [7] Pizzie, R. G., & Kraemer, D. J, (2019), *The Academic Anxiety Inventory: Evidence for dissociable patterns of anxiety related to math and other sources of academic stress*, Frontiers in psychology, 9, 2684.
- [8] Shakir, M, (2014), *Academic anxiety as a correlate of academic achievement*, Journal of Education and Practice, 5(10), p.29-36.
- [9] Schultz, D. P., & Schultz, S. E, (2016), *Theories of personality*, Cengage Learning.
- [10] Vitasari, P., Wahab, M. N. A., Othman, A., Herawan, T., & Sinnadurai, S. K, (2010), *The relationship between study anxiety and academic performance among engineering students*, Procedia-Social and Behavioral Sciences, 8, p.490-497.

ACADEMIC ANXIETY AND ITS RELATIONSHIP WITH ANXIETY DISORDER OF HIGH SCHOOL STUDENTS IN HANOI

Hoang Thi Thanh Hue¹, Ngo Thanh Hue²

¹ Email: huethanh3028@gmail.com

² Email: ngothanhhue@gmail.com

Vietnam-France Psychology and Psychiatry Institute
46-54 Tran Quoc Vuong, Dich Vong Hau,
Cau Giay, Hanoi, Vietnam

ABSTRACT: *The purpose of this study was to explore the situation of academic anxiety, and the relationship between academic anxiety and anxiety disorder. A sample of 262 high school students in Hanoi city participated in the survey which was conducted in September 2020. The measures are (i) Generalized Anxiety Disorder (GAD-7); and (ii) Academic Anxiety Scale, which were created by collaboration of AAI by Rachel G. Pizzie & David J. M. Kraemer (2019) and FLCAS by Horwitz et al. (1986). The results indicated that there is a difference in the level of academic anxiety among students regarding to academic achievement (GPA) and birth-order. A strongly positive correlation was observed between anxiety disorder and academic anxiety and its components.*

KEYWORDS: Anxiety, academic anxiety, anxiety disorder, school.